

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2023

*V/v xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung, vay nợ chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lượng

Bà Nông Thị Vân Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, vay nợ chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị C, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn N, Phó giám đốc (theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2023) vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/08/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị C trình bày:

Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L kết hôn từ ngày 23/10/2005, trước khi kết hôn không được tìm hiểu nhau mà do bố mẹ mai mối và đồng ý tiến tới hôn nhân. Cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống với nhau tình cảm vợ chồng sống không hạnh phúc, không có tình cảm, từ khi cưới xong cho đến sinh con đầu lòng giữa chị Nông Thị C và anh Nông Văn L đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống với bố mẹ và các em cô bên chồng, anh Nông Văn L thường xuyên rượu chè, lấy xe máy đi cầm 2 lần, 1 lần chị Nông Thị C đi chuộc, còn 1 lần không lấy được xe, bố mẹ anh Nông Văn L không giúp chị Nông Thị C khuyên nhủ còn bệnh vực anh Nông Văn L dẫn đến tình cảm giữa bị rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, chị Nông Thị C và anh Nông Văn L đã ly thân năm 2020, tết năm 2021 chị Nông Thị C về ăn tết xong và không quay lại nhà anh Nông Văn L cho đến nay. Chị Nông Thị C vẫn thường xuyên liên lạc với các con. Nay Chị Nông Thị C xác định không còn yêu thương, quan tâm, liên lạc gì với anh Nông Văn L, không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn L.

Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L có 3 con chung tên Nông Thị Mai H sinh ngày 30/10/2006, cháu Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và cháu Nông Đức M sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay các con đang ở với anh Nông Văn L tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nông Thị C yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Bích D, tại phiên hòa giải chị Nông Thị C có ý kiến con có nguyện vọng được ở với anh Nông Văn L nên chị không yêu cầu trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Bích D nữa. Các con đã lớn có nguyện vọng ở với ai là do các cháu quyết định. Chị Nông Thị C không có thu nhập ổn định nên hiện nay chị không thể cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Nông Thị C nhất trí để anh Nông Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/9/2023 chị Nông Thị C cho rằng khoản nợ này do anh Nông Văn L tự vay chị không được biết nên anh Nông Văn L có trách nhiệm tự trả số tiền 50.000.000 đồng cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện V.

* Tại đơn yêu cầu đối với khoản nợ chung ngày 24/08/2023, bản tự khai và tại phiên tòa anh Nông Văn L trình bày:

Về thời gian kết hôn giữa anh và chị Nông Thị C đúng như chị Nông Thị C đã trình bày, anh Nông Văn L và chị Nông Thị C được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2005, trước khi kết hôn được tìm hiểu nhau và đồng ý tiến tới hôn nhân, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống với nhau tình

cảm vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì phát sinh. Từ năm 2015 chị Nông Thị C đi làm công ty suốt cho đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 – 2018 chị Chính làm công ty ở huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh vẫn thường xuyên gửi tiền về cho gia đình. Từ năm 2019 cho đến nay anh Nông Văn L không biết chị Nông Thị C làm ở công ty nào và sinh sống ở đâu, đồng thời chị Nông Thị C cắt liên lạc và chặn số điện thoại của anh Nông Văn L không thể liên lạc được với chị Nông Thị C, nhưng đến tết các năm 2019, 2020, 2021 chị Nông Thị C về ăn tết với gia đình ở 3 ngày sau đó lại đi công ty biệt đến nay lại viết đơn khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án anh Nông Văn L không biết nguyên nhân, lý do gì chị Nông Thị C xin ly hôn. Năm 2016 chị Nông Thị C và mẹ đẻ anh Nông Văn L có xảy ra phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau lúc đó anh không ở nhà chỉ thấy nói chuyên lại, thời điểm đó anh và chị Nông Thị C đã ra ở riêng từ lâu, năm 2017 các chị trong gia đình anh Nông Văn L nghi ngờ chị Nông Thị C không chung thủy với anh và anh đã đưa cả con trai xuống Bắc Ninh chỗ ở của chị Nông Thị C nhưng không thấy có vấn đề gì, giữa anh và chị Nông Thị C không có mâu thuẫn gì nhưng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay chị Nông Thị C không hề liên lạc và quan tâm đến anh và các con, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong chị Nông Thị C quay về đoàn tụ cùng gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành. Trong trường hợp chị Nông Thị C vẫn nhất quyết ly hôn anh cũng không nhất trí.

Về con chung: Anh Nông Văn L và chị Nông Thị C có 3 người con là cháu Nông Thị Mai H, sinh ngày 30/10/2006, Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và Nông Đức M, sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay các con đang ở với anh Nông Văn L tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trong trường hợp phải ly hôn anh Nông Văn L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Nông Thị C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 con/ 1 tháng, cả 3 con là $1.500.000đ \times 3 \text{ con} = 4.500.000đ/1 \text{ tháng}/3 \text{ con}$, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Tại phiên tòa anh Nông Văn L chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng 750.000 đồng/ 01 con/ 1 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ngày 26/01/2018 anh Nông Văn L và chị Nông Thị C vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 50.000.000đ để trồng hồi thời gian vay là 60 tháng, cho đến nay một mình anh Nông Văn L tự trả lãi từ năm 2018 đến tháng 01/2023. Đến thời điểm hiện nay vẫn còn nợ là 50.000.000đ, đã gia hạn từ tháng 01/2023 cho đến nay chưa trả được gốc. Khi vay khoản tiền này anh Nông Văn L được bàn bạc trước với chị Nông Thị C và chị Nông Thị C nhất trí được ký vào giấy ủy quyền tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V để cho anh Nông Văn L đứng tên vay tiền ngân hàng mục đích để trồng Hồi, nhưng hồi đã chết hết không còn sót lại cây nào. Chị Nông Thị C ly hôn anh Nông Văn L thì chị Nông Thị C phải chịu trách nhiệm

trả ½ số tiền trên là 25.000.000đ tiền gốc và lãi khi đến hạn thanh toán, tôi trả 25.000.000đ tiền gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đại diện hợp pháp có ý kiến tại công văn số 111/CV-NHCS ngày 20/8/2023 và Bản tự khai ngày 20/8/2023 trình bày: Ngày 26/01/2018 hộ gia đình anh Nông Văn L và chị Nông Thị C có vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V 50.000.000 đồng, mã khoản vay 6600000711807143, thời hạn vay 60 tháng, (lãi suất 0,55%/tháng (lãi suất 6,6%/năm), hạn trả cuối cùng 08/01/2023, món vay này đã gia hạn nợ đến ngày 08/01/2024.

Tính đến ngày 20/8/2023, hộ gia đình anh Nông Văn L, chị Nông Thị C còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 50.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả đến tháng 8/2023. Ngân hàng yêu cầu chị Nông Thị C và anh Nông Văn L trả xong toàn bộ khoản nợ nêu trên cả gốc và lãi cho Ngân hàng trước khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2023, cháu Nông Thị Mai H, Nông Thị Bích D và cháu Nông Đức M có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống cùng bố là Nông Văn L.

Tòa án nhân dân huyện V đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú. Tại Công văn số 86/UBND ngày 17/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V cho biết chị Nông Thị C và anh Nông Văn L có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị Nông Thị C và anh Nông Văn L chung sống với nhau tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nông Văn L hay rượu chè, cờ bạc, lô đề, cầm cả xe máy, đã sống ly thân từ năm 2020. Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L có 3 con chung là Nông Thị Mai H, sinh ngày 30/10/2006, Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và Nông Đức M, sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay các cháu đang ở với anh Nông Văn L tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, phát triển bình thường đối với trẻ em đang ở độ tuổi đến trường ở cấp mầm non đến hết tiểu học có mức 1.300.000đ/1 trẻ/ 1 tháng. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, phát triển bình thường đối với trẻ em đang ở độ tuổi đến trường từ cấp hai đến cấp 3 đang ở độ tuổi đến trường có mức 1.500.000đ/1 trẻ/ 1 tháng. Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L không có tài sản chung. Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L có vay nợ chung: Vay ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 50.000.000 đồng vay từ năm 2018 hiện nay chưa trả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, con chưa thành niên, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tổ tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị C, xử cho chị Nông Thị C được ly hôn với anh Nông Văn L. Về con chung, giao cho anh Nông Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 3 con chung là cháu Nông Thị Mai H, sinh ngày 30/10/2006, Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và Nông Đức M, sinh ngày 29/12/2012. Buộc chị Nông Thị C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mức 750.000đ/1 tháng/1 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Về tài sản chung, cho vay chung: Không có, về vay nợ chung: Ngày 26/01/2018 anh Nông Văn L và chị Nông Thị C vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 50.000.000đ cho đến nay chưa trả được số tiền gốc. Khi ly hôn chị Nông Thị C và anh Nông Văn L mỗi người phải có trách nhiệm trả 25.000.000đ tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ khoản nợ gốc này cho Ngân hàng khi đến hạn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị C thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, vay nợ chung, bị đơn có nơi cư trú tại Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đầy đủ lời khai, ý kiến trình bày trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nông Thị C và anh Nông Văn L là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị C thấy rằng chị Nông Thị C và anh Nông Văn L trước khi kết hôn không được tự do tìm hiểu, mà do bố mẹ sắp đặt nhưng nhất trí kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Nông Văn L hàng ngày thường uống rượu, cờ bạc, lô đề, cấm cả xe máy, không tu chí làm ăn, không

quan tâm vợ con, giữa chị Nông Thị C và mẹ, các em của anh Nông Văn L có mâu thuẫn, bất đồng về điểm sống, anh Nông Văn L cũng không có biện pháp nào chung hòa mối quan hệ giữa chị Nông Thị C với mẹ và các em của mình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn. Do vậy thấy rằng việc anh Nông Văn L không chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn là không có căn cứ, chị Nông Thị C đã cho anh Nông Văn L nhiều cơ hội nhưng do anh Nông Văn L không có sự thay đổi, không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị C, xử cho chị Nông Thị C ly hôn anh Nông Văn L vì xét thấy việc cho vợ chồng về đoàn tụ sẽ không đảm bảo được cuộc sống hạnh phúc, không đảm bảo được mục đích của hôn nhân.

[5] Về con chung: Chị Nông Thị C và anh Nông Văn L có 3 con chung là cháu Nông Thị Mai H, sinh ngày 30/10/2006, Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và Nông Đức M, sinh ngày 29/12/2012. Anh Nông Văn L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện tại các cháu sinh sống, học tập ổn định tại Thôn N, xã T, huyện V, đồng thời anh Lâm cũng có chỗ ở ổn định, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cũng đều do một mình anh Lâm nuôi dưỡng các cháu. Còn chị Chính không có chỗ ở, việc làm và thu nhập không ổn định nên việc giao con cho chị Chính nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con, tại phiên tòa chị Nông Thị C cũng đồng ý để anh Nông Văn L nuôi dưỡng cả 03 người con, nhưng không nhất trí cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con cho anh Lâm nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu khi bố mẹ ly hôn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của chị Chính, anh Lâm và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao cho anh Nông Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu Nông Thị Mai H, Nông Thị Bích D và Nông Đức M cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Nông Văn L là chính đáng. Về mức cấp dưỡng, căn cứ công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã T về mức chi phí sinh hoạt trên địa bàn trung bình là 1.500.000đ/1 cháu/1 tháng, việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con là quyền và nghĩa vụ của cả anh Lâm và chị Chính, do vậy mỗi người phải chịu trách nhiệm một phần trong việc nuôi dưỡng các cháu. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với số tiền 750.000đ/1 tháng/1 cháu của anh Lâm là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và thu nhập của cả hai bên, đồng thời đảm bảo thi hành án vì hiện nay chị Chính chưa có làm và thu nhập ổn định. Nếu sau này mức cấp dưỡng này không còn phù hợp thì các bên vẫn có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Phương thức cấp dưỡng sẽ tính theo từng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trường hợp chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vay nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Nông Văn L và chị Nông Thị C có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 50.000.000đ. Anh Nông Văn L yêu cầu chị Nông Thị C chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay nợ là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh là có căn cứ. Bởi lẽ khi ký kết hợp đồng vay, chị Nông Thị C biết rõ và ký hợp đồng ủy quyền cho anh L đứng ra vay vốn. Nay ly hôn thì chị C và anh L phải có nghĩa vụ trả khoản vay này cho Ngân hàng chính sách xã hội mỗi người $\frac{1}{2}$ là 25.000.000đ và lãi phát sinh đối với khoản vay.

[9] Về án phí: Nguyên đơn thuộc Hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội. Trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Nông Thị C đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0006172 ngày 11/08/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227, Điều 228; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị C, xử cho chị Nông Thị C được ly hôn anh Nông Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nông Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Thị Mai H, sinh ngày 30/10/2006, Nông Thị Bích D, sinh ngày 18/01/2009 và Nông Đức M, sinh ngày 29/12/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Buộc chị Nông Thị C có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con mức 750.000đ/01 tháng/01 con đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng tính theo tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2023).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị yêu cầu chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vay nợ chung: Buộc chị Nông Thị C và anh Nông Văn L mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 25.000.000 đồng và số lãi phát sinh từ khoản vay này, theo hồ sơ vay vốn ngày 24/01/2018, mã khoản vay 6600000711807143.

4. Về án phí: Chị Nông Thị C được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm, trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho chị Nông Thị C theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006172 ngày 11/08/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp

